

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: /BVTV- HTQT
V/v chuẩn bị cho kiểm tra vùng trồng,
cơ sở đóng gói khoai lang xuất khẩu
sang thị trường Trung Quốc

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố
Cục Bảo vệ thực vật (BVTV) đang tiến hành đàm phán với Tổng cục Hải
quan Trung Quốc (GACC) để mở cửa thị trường cho mặt khoai lang của Việt
Nam. Sau cuộc họp giữa Cục BVTV và GACC, hai bên đã thống nhất về các nội
dung tiến hành kiểm tra để đánh giá nguy cơ dịch hại đối với khoai lang của Việt
Nam. Để chuẩn bị sẵn sàng cho đợt kiểm tra của GACC, Cục BVTV đề nghị Sở
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện ngay
một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh chủ trì, phối hợp với doanh
nghiệp và các đơn vị liên quan rà soát, đối chiếu lại ngay điều kiện của vùng
trồng và cơ sở đóng gói khoai lang theo quy định của Tiêu chuẩn cơ sở về Thiết
lập và giám sát vùng trồng (TCCS 774:2020/BVTV) và Tiêu chuẩn cơ sở về
thiết lập và giám sát cơ sở đóng gói (TCCS 775:2020/BVTV).

2. Rà soát, thống kê danh sách vùng trồng và cơ sở đóng gói khoai lang đăng
ký xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Báo cáo kết quả rà soát về Cục BVTV
trước 13h ngày 07/10/2022 (biểu mẫu thống kê tại phụ lục 1 của công văn này). Đồng
thời, hướng dẫn vùng trồng và cơ sở đóng gói có nhu cầu đăng ký mã số để xuất
khẩu hoàn thiện bảng câu hỏi và hồ sơ theo yêu cầu kiểm tra của Cục BVTV và
GACC. Toàn bộ bảng câu hỏi và hồ sơ của vùng trồng và cơ sở đóng gói khoai lang
phải được dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Trung và gửi về Chi cục Trồng trọt và
BVTV tỉnh để tổng hợp trước khi gửi về Cục BVTV, chậm nhất trước 13h ngày
07/10/2022 (bản cứng gửi về Cục BVTV sau). Chi tiết bảng câu hỏi và hồ sơ cần
chuẩn bị tại phụ lục 2 của công văn này.

3. Thời gian kiểm tra dự kiến từ ngày 17/10/2022 đến ngày 20/10/2022. Thời gian kiểm tra chính thức sẽ được thông báo sau. Trong quá trình kiểm tra, Cục BVTV sẽ bố trí phiên dịch và đường truyền trực tuyến để thực hiện việc kiểm tra trực tuyến và kiểm tra thực địa tại các vùng trồng và cơ sở đóng gói khoai lang. Do đó, đề nghị các bên tham gia chuẩn bị tốt đường truyền internet trong quá trình kiểm tra.

Vậy, Cục BVTV đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT các chủ động triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần thêm hướng dẫn chi tiết, đề nghị liên hệ ngay về Cục BVTV (Phòng Hợp tác quốc tế và Truyền thông, ĐT: 024.3857.0754 và Email: htqt.bvtv@mard.gov.vn) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/cáo);
- Lưu: VT, HTQT (x).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Thu Hương

Phụ lục 2**Danh mục tài liệu cần chuẩn bị***(kèm theo công văn số /BVTV-HTQT ngày tháng năm 2022)***1. Bảng câu hỏi cho vùng trồng khoai lang tím****果园调查表****Orchard Questionnaire**

考察编号 Inspection number:

1. 果园信息 Orchard information	
果园名称 Name of Orchard :	相关联包装厂 Associated packaging factory :
注册号 Registration code :	包装厂代码 Registration code of packaging factory :
面积 acreage :	与包装厂的距离 Distance from packaging factory :
所有者 Owner :	冷处理设施 Cold processing facilities :
2. 产品信息 Product information	
拟输华品种 Varieties to be exported to China :	
种植的其他果树品种及名称 Varieties and names of other fruit trees planted :	
3. 果园有害生物名称 Name of pest in orchard	
主要发生的种类 Main pest species :	偶尔发生的种类 Occasional pest species :

4.疫情监测情况 Epidemic situation monitoring			
<p>是否有监测程序 Is there a monitoring procedure ()</p> <p>是否有监测记录 Are there monitoring records ()</p> <p>(要求提供针对中方关注有害生物监测记录 It is required to provide monitoring records for pests of concern to China)</p>			
果园主要有害生物的监测方法 Monitoring methods of main pests in orchard :			
<p>中方关注的有害生物在该果园的发生情况、监测情况</p> <p>Occurrence and monitoring of pests concerned by China in the orchard</p>			
名称 Name of pests	监测情况 Monitoring situation	监测防治 指标 Monitoring and control indicators	是否发生 Did it happen
	诱捕器数量 Number of traps 监测结果 Monitoring results		
	诱捕器数量 Number of traps		

	监测结果 Monitoring results		
	诱捕器数量 Number of traps 监测结果 Monitoring results		
其他需要关注的新情况、新问题 Other new situations and problems requiring attention :			
5.有害生物综合管理体系Integrated pest management system			
采取的有害生物综合管理措施 Integrated pest management measures taken (IPM) : 田间卫生管理措施 Management measures of field sanitation : 农业栽培管理措施 Field agricultural cultivation management measures : 生物/物理/化学防治措施 Biological / physical / chemical control measures :			
农药使用情况（提供防治记录） Pesticide use (provide control records)			
时间 Time	农药品种 Pesticide varieties	使用量 Usage	靶标生物 Target organism
			防效 Control effect

<p>6. 植物检疫部门对果园所采取的监管措施 Regulatory measures taken by the plant quarantine department for orchards</p>				
<p>果园注册程序（有关资料提交、资料审核） Orchard registration procedures (submission and review of relevant data) :</p> <p>生长季节对果园的检查方法 Inspection method of orchard in growing season :</p> <p>采收前对果园进行符合性检查的程序 Procedure for compliance inspection of orchards before harvest:</p> <p>针对中方关注的有害生物，果园采取的有效的管理措施 Effective management measures for pests concerned by China :</p> <p>一旦发现中方关注有害生物与议定书要求不相符采取的纠正措施 Once it is found that China's concern about pests is inconsistent with the requirements of the protocol, take corrective measures :</p>				
<p>7. 果园提供的其他有助于增加对其了解的资料 Other information provided by the orchard to help increase understanding of it</p>				
<p>果园技术人员的资质/培训情况 Qualification / training of orchard technicians :</p> <p>是否针对中方关注的有害生物进行了有计划的培训 Whether carried out planned training on pests of concern to China ()</p>				

果园采收管理情况与溯源管理情况 Orchard harvesting management and traceability management :

生产情况 Production situation

产量与出口量及国家（地区） Output and export volume and country (region)

采收与出口时间 Harvest and export time

8、果园COVID-19疫情防控情况 Covid-19 epidemic prevention and control in Orchard

对从业人员采取的防范COVID-19病毒污染的措施:

Measures taken for employees to prevent COVID-19 virus pollution :

对果园场地采取的防范COVID-19病毒污染的措施 Measures taken to prevent COVID-19 virus pollution in orchard sites :

:

对装卸储运过程采取的防范COVID-19病毒污染的措施 Measures to prevent COVID-19 virus pollution during loading, unloading, storage and transportation :

2. Bảng câu hỏi cơ sở đóng gói khoai lang tím

包装厂调查表

Packaging Factory Questionnaire

1. 包装厂信息 packaging factory information		
包装厂名称Name of packaging factory:	相关联果园 Associated orchard:	
注册代码Registration code:	注册代码 Registration code::	
所处省份Provinces in which they are located:	关联冷处理设施Associated cold processing facilities:	
所有者: Owner		
2. 出口信息 Export information		
主要出口国家 Major exporting countries	出口品种 Export varieties	数量 (吨) Quantity (ton)
3. 包装厂环境及采取的防虫措施 Packaging factory environment and Pest control measures		
防疫措施Epidemic prevention measures:		
门窗是否有防虫设施Whether the doors and windows have pest control facilities () 实蝇监测诱捕器Fruit fly monitoring traps ()		
包装车间是否干净、卫生, 无害虫、土壤、植物残体、以及丢弃感染的果实Whether the packaging factory is clean and hygienic, free from pests, soil, plant residues, and discarded infected fruits ()		
工厂内其他防疫和卫生措施: Other epidemic prevention and hygiene measures in the factory:		
车间内其他防疫和卫生措施Other epidemic prevention and health measures in the workshop:		

<p>4. 加工质量控制措施 Processing quality control measures</p> <p>操作人员是否穿戴干净的工作衣、帽、鞋、手套 Whether the operator wears clean work clothes, caps, shoes, gloves ()</p> <p>加工前是否经过的必要的原料检查、验收、标识工序 Whether the necessary raw material inspection, acceptance, marking process has been carried out before processing () 有无记录with or without recording before processing ()</p> <p>是否具备符合检疫要求的清洗、加工、防虫防病及除害处理设施 Whether there are cleaning, processing, pest control and pest control facilities that meet the quarantine requirements ()</p> <p>加工线在加工出口榴莲前是否清洁消毒Whether the processing line is cleaned and disinfected before processing the export Durian ()</p> <p>水果清洗环节清洗消毒剂使用情况（成分、浓度、持续时间）： Use of cleaning disinfectant in fruit cleaning(composition, concentration, duration):</p> <p>次品及残杂物处理情况Disposal of defective products and debris:</p> <p>挑拣出的病虫害果、清除的残渣是否及时清理，集中处理，统一运至专用场地作除害处理Whether the selected fruits with diseases and pests and the removed residues are cleaned up in time, treated centrally, and transported to a special site for treatment ()</p> <p>防止病虫害二次感染措施Measures to prevent secondary infections of pests and diseases:</p> <p>加工程序 Processing program:</p> <p>降低有害生物传播的关键措施 Key measures to reduce pest transmission::</p> <p>加工后是否不携带烂果、枝、叶、土壤及中方关注的有害生物 Whether it does carry rotten fruit, branches, leaves, soil and the harmful organisms concerned by China after processing ()</p>
<p>5. 包装情况Package Condition</p> <p>包装上是否有用英文标出产地、果园、包装厂和贮藏设施的名称或注册号 Is the name or registration number of the place of origin, orchard, packaging factory and storage facility marked in English on the package ()</p> <p>包装材料是否干净卫生及未使用过 Whether the packaging materials are clean and unused ()</p> <p>包装和加施标签管理措施 Packaging and labeling management measures:</p>
<p>6. 工厂自检 Factory self-test</p> <p>包装厂是否有必要的检疫、检测设备和检验场所 Whether the packaging plant has the necessary quarantine, testing equipment and inspection sites ()</p>

<p>检验人员资格 Inspector qualification:</p> <p>自检设备 Self-test equipment:</p> <p>抽查比例 Sampling proportion:</p> <p>自检项目 Self-test items:</p> <p>自检记录 Self-test record ()</p>
<p>7. 贮藏细节和产品运输管理措施 Storage details and product transportation management measures</p> <p>如为气调库，混合气体的比例 For the atmosphere library, the proportion of mixed gas::</p> <p>储藏温度 Stored temperature:</p> <p>储存管理 Storage management:</p> <p>原料果做到专库存放，按注册果园代码分码堆放 Raw fruits shall be stored in a special warehouse and stacked according to the registered orchard code ()</p> <p>成品专库存放 Storage of finished products in special warehouse ()</p> <p>成品按批次标识存放 Finished products shall be stored according to batch identification ()</p> <p>自检不合格产品是否予以标记 Whether the self-test unqualified products are marked ()</p> <p>堆码整齐，环境清洁 stacking neat, clean environment ()</p> <p>下层是否有托盘支撑 Is there tray support in the lower layer ()</p> <p>库存记录是否有产地、果园代码、批次、库存数量、储存温度、储存时间、出入库时间等信息 Whether the inventory records have origin, orchard code, batch, stock quantity, storage temperature, storage time, time of entry and exit, etc. ()</p> <p>发运是否监管加封 Whether shipment is supervised and sealed ()</p>
<p>8. 包装厂其他需要说明和关注的地方 Other places where packaging plants need to explain and pay attention</p> <p>操作人员和技术人员针对中方相关要求的相关培训情况 Relevant trainings for operators and technicians according to relevant requirements of China:</p> <p>是否配备专职或者兼职技术员，负责原料水果验收、加工、包装、存放等环节防疫措施的实施、有毒有害物质的控制、弃果处理和成品水果自检等工作： Whether full-time or part-time technicians are equipped to be responsible for the implementation of epidemic prevention measures in the acceptance, processing, packaging and storage of raw fruits, the control of toxic and harmful substances, the disposal of discarded fruits and the self-test of finished fruits:</p> <p>包装厂溯源管理体系 Packaging factory traceability management system:</p>

9、包装厂COVID-19疫情防控情况 Covid-19 epidemic prevention and control in packaging factory

对从业人员采取的防范COVID-19病毒污染的措施 Measures taken for employees to prevent COVID-19 virus pollution:

对场地采取的防范COVID-19病毒污染的措施 Measures taken to against COVID-19 virus pollution on the site:

包装过程员工直接接触水果及其内外包装时是否采取了预防新冠的措施 During the packaging process, did the staff take preventive measures when they directly contacted the fruit and its internal and external packaging ()

是否佩戴口罩、手套 Whether to wear masks and gloves ()

包装厂对出口产品采取的防范COVID-19病毒污染的措施 Measures taken by packaging factories to prevent COVID-19 virus pollution of export products:

对装卸储运过程采取的防范COVID-19病毒污染的措施 Measures to prevent covid-19 virus pollution during loading, unloading, storage and transportation:

3. Tài liệu cần chuẩn bị của Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh, vùng trồng và cơ sở đóng gói khoai lang

3.1. Đối với Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh

- Tài liệu về kết quả điều tra phát hiện SVGH trên khoai lang theo quy định (điều tra hàng tuần)

- Quy trình sản xuất khoai lang tại địa phương

- Kế hoạch giám sát dư lượng thuốc BVTV trên khoai lang tại các vùng trồng

3.2. Đối với Vùng trồng

- Tờ khai kỹ thuật, cam kết kỹ thuật

- Danh sách nông dân tham gia sản xuất tại vùng trồng

- Quy trình sản xuất, quản lý phòng chống sinh vật gây hại tại vùng trồng; điều tra SVGH tại vùng trồng.

- Hồ sơ tập huấn về quản lý sinh vật gây hại của nông dân tại vùng trồng (tập huấn IPM, sản xuất an toàn, VietGAP...).

- Danh mục thuốc BVTV (hóa chất) sử dụng trong phòng chống SVGH tại vùng trồng.

- Nhật ký canh tác (ghi chép toàn bộ quá trình canh tác từ trồng, chăm sóc, bón phân, sử dụng thuốc BVTV, thu hoạch...)

- Phòng chống Covid-19.

3.3. Đối với cơ sở đóng gói

- Tờ khai kỹ thuật, cam kết.

- Bản vẽ chi tiết mặt bằng, sơ đồ vận hành cơ sở đóng gói

- Các biện pháp phòng chống sinh vật gây hại và quy trình làm sạch bề mặt khoai lang tại cơ sở đóng gói.

- Nhật ký ghi chép đầu vào, đầu ra khoai lang của cơ sở đóng gói.

- Danh sách nhân công làm việc tại nhà đóng gói

- Tài liệu tập huấn và danh sách nhân viên tham gia tập huấn về quy trình đóng gói, quản lý sinh vật gây hại.

- Tài liệu phòng chống Covid-19 (danh sách người ra vào nhà đóng gói, phương án phòng chống Covid-19).